

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DSST

Ngày 28-11-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo.
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

Địa chỉ: 266 - 268 NKKN, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn G – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ phòng kiểm soát rủi ro (có mặt).

Địa chỉ: 130 - 132 Lê Hồng P, phường TN, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. ***Bị đơn:*** Ông Đặng Văn S (vắng mặt)

Địa chỉ: 11a LNĐ, tổ dân phố 3, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Lê Trần Ánh T (có mặt)

Địa chỉ: 11a LNĐ, tổ dân phố 3, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/2014 ông Đặng Văn S có ký hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1428000436 ngày 07/10/2014 và các phụ lục, điều khoản, điều kiện

trong hợp đồng để vay số tiền là 90.000.000đ. Lãi suất 0, 75%/tháng, thời hạn vay 48 tháng, thời điểm trả hết nợ là 07/10/2018, tổng số tiền trả nợ là 122.400.000đ, chia đều thành 48 kỳ trả nợ, số tiền trả mỗi kỳ là 2.550.000đ (trong đó tiền gốc mỗi kỳ là 1.875.000 đồng, lãi trong hạn 675.000 đồng, lãi quá hạn 316.406 đồng; hạn trả mỗi kỳ là ngày 28 hàng tháng, kể từ ngày trả kỳ 1 là ngày 28/11/2014 đến kỳ 47; kỳ cuối trả ngày 07/10/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã trả được tiền gốc là 61.875.000đ; tiền lãi là 22.275.000đ, (tương ứng 33 kỳ trả nợ). Còn dư nợ gốc là 28.125.000đ, lãi trong hạn là 6.035.635đ (tương ứng 15 kỳ) đến nay chưa trả dù ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là 43.666.182đ. trong đó nợ gốc là 28.125.000đ, lãi trong hạn là 10.360.788đ. Lãi quá hạn là 5.180.394đ. Từ ngày 29/11/2018, ông S phải tiếp tục chịu mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng ông S không đến Tòa án làm việc mà không có lý do nên Tòa án không thu thập được các tài liệu chứng cứ từ ông S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Ánh T trình bày:

Bà là vợ của ông S, bà công nhận ông S vay số tiền này về để vợ chồng cùng kinh doanh. Nay ông S đã đi khỏi nhà bà không biết đi đâu, bà có nguyện vọng được Ngân hàng tạo điều kiện cho bà có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng thành nhiều kỳ và thời gian bắt đầu trả từ tháng 01/2019.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xét hoàn cảnh của bà T hết sức khó khăn nhưng có tinh thần hợp tác trong việc trả nợ nên chỉ yêu cầu bà T và ông S trả số nợ là 43.666.182 đồng chia đều thành 16 kỳ, số tiền mỗi kỳ là 2.729.000đ (đã làm tròn số), mỗi tháng trả 01 kỳ tính từ tháng 01/2019. Hạn trả mỗi kỳ ngày cuối cùng hàng tháng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ mà không có lý do chính đáng nên vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc đầy đủ dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ mà không có lý do chính đáng nên vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại điều Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho ông Đặng Văn S nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

[3] Về áp dụng pháp luật khi giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và hợp đồng này cũng phù hợp với các quy định tại các 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên theo điều khoản chuyển tiếp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án sẽ áp dụng các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật theo Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án xét thấy hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số 201428000436 được ký kết ngày 07/10/2014 giữa ông Đặng Văn S với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần SGTG là phù hợp với các quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên luôn được pháp luật bảo vệ. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa chỉ mới trả được tiền gốc là 61.875.000đ; tiền lãi là 22.275.000đ, (tương ứng 33 kỳ trả nợ).

Còn dư nợ gốc là 28.125.000đ, lãi trong hạn là (tương ứng 15 kỳ) đến nay chưa trả dù ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là 43.666.182 đồng. trong đó nợ gốc là 28.125.000đ, , lãi trong hạn là 10.360.788đ. Lãi quá hạn là 5.180.394đ. Từ ngày 29/11/2018, ông S phải tiếp tục chịu mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ.

Đối với bà Lê Trần Ánh T, bà không ký vào hợp đồng vay nhưng tại phiên tòa bà công nhận ông S vay số tiền này về để vợ chồng cùng kinh doanh. Nay bà nhận trách nhiệm cùng ông S trả số nợ này cho Ngân hàng nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xét hoàn cảnh của bà T hết sức khó khăn nhưng có tinh thần hợp tác trong việc trả nợ nên yêu cầu bà T và ông S trả số nợ là 43.666.182 đồng chia đều thành 16 kỳ, số tiền mỗi kỳ là 2.729.000đ (đã làm tròn số), mỗi tháng trả 01 kỳ tính từ tháng 01/2019. Hạn trả mỗi kỳ là ngày cuối cùng hàng tháng. Từ ngày 29/11/2018, ông S, bà T phải tiếp tục chịu mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của bà T và phù hợp với các quy định của Bộ Luật dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự ông Đặng văn S, bà Lê Trần Ánh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227; Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

Buộc ông Đặng Văn S, bà Lê Trần Ánh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là 43.666.182 đồng chia đều thành 16 kỳ, số tiền mỗi kỳ là 2.729.000đ (đã làm tròn số), mỗi tháng trả 01 kỳ tính từ tháng 01/2019. Hạn trả

mỗi kỳ ngày cuối cùng hàng tháng. Trong đó nợ gốc là 28.125.000đ, nợ lãi trong hạn là 10.360.788đ. Lãi quá hạn là 5.180.394đ. Từ ngày 29/11/2018, ông S, bà T phải tiếp tục chịu mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần SGTG được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 860.000đ theo biên lai số AA/2017/0002157 ngày 24/4/2018 do Lê Văn C nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Ông Đặng Văn S, bà Lê Trần Ánh T phải phải chịu 2.183.309đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Chi cục Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

(đã ký)

Lê Thị Hiền